

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/LĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao
động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhậm

Bà Trần Thị Chiêm, nguyên Trưởng phòng
Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành
phố Tân An tỉnh Long An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 1 - Tây Ninh,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng lao động”, thụ lý số
02/2026/TLST-LĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 02/2026/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hồng T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp C xã T tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thành C, sinh năm:
1991

Địa chỉ: khu phố C phường T tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày
12 tháng 11 năm 2025 của bà Bùi Thị Hồng T).

- Các bị đơn: Công ty Cổ phần Q

Địa chỉ: Số B Đường N phường L tỉnh Tây Ninh.

Bà Lê Thị Yến K, sinh năm: 2000

Địa chỉ: ấp C xã T tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Q

Địa chỉ: H Quốc lộ A (tuyến tránh) phường L tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 6 năm 2017, do cần việc làm để phụ giúp gia đình nhưng chưa đủ tuổi nên bà Lê Thị Yến K đã mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị Hồng T để lập hồ sơ xin việc và bà K đã ký kết hợp đồng lao động với Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q. Bà K được Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp sổ bảo hiểm xã hội số 8016083989. Bà K làm việc tại Công ty Cổ phần Q đến tháng 02 năm 2018 thì nghỉ việc. Trong khi đó, tháng 7 năm 2017, bà T đã ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn C1. Trong quá trình làm việc, bà T cũng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 8216044013. Bà T làm việc đến tháng 8 năm 2017 thì nghỉ việc. Đến tháng 8 năm 2019, bà T ký kết hợp đồng lao động với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh L và việc đóng bảo hiểm xã hội của bà T được ghi vào sổ bảo hiểm xã hội số 8016083989 đến tháng 11 năm 2024. Sau khi bà T nghỉ việc, bà T làm thủ tục chốt quá trình đóng bảo hiểm xã hội thì không đảm bảo thủ tục do việc cùng một lúc, bà T có hai sổ bảo hiểm xã hội và quá trình đóng bảo hiểm trùng nhau. Vì vậy, bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động mà bà Lê Thị Yến K đã ký kết với danh nghĩa của bà T, điều chỉnh quá trình đóng bảo hiểm theo thực tế mà bà T đã đóng để việc giải quyết các chính sách bảo hiểm về sau được đảm bảo theo quy định. Bà T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2026, bà Lê Thị Yến K thừa nhận những lời trình bày của người đại diện của bà T là hoàn toàn đúng sự thật. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại, công việc của bà đang ổn định nhưng bà không có thời gian để tham gia tố tụng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tháng 6 năm 2017, do không đủ tuổi để xác lập hợp đồng lao động nhưng hoàn cảnh gia đình lại khó khăn nên bà Lê Thị Yến K được sự đồng ý của bà Bùi Thị Hồng T, đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân số 301588138 (do Công an tỉnh L cấp cho bà Bùi Thị Hồng T) để giao kết và thực hiện hợp đồng lao động với Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q. Bà Lê Thị Yến K được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 8016083989 với thông tin về nhân thân là của bà Bùi Thị Hồng T và làm việc tại Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018. Trong khi đó, tháng 7 năm 2017, bà T đã ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn C1. Trong quá trình làm việc, bà T cũng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 8216044013. Bà T làm việc đến tháng 8 năm 2017 thì nghỉ việc. Đến tháng 8 năm 2019, bà T ký kết hợp đồng lao động với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh L và việc đóng bảo hiểm xã hội của bà T được ghi vào sổ bảo hiểm xã hội số 8016083989 đến tháng 11 năm 2024. Sau khi bà T nghỉ việc, bà T làm thủ tục chốt quá trình đóng bảo hiểm xã hội thì không đảm bảo thủ tục do việc

cùng một lúc, bà T có hai sổ bảo hiểm xã hội và quá trình đóng bảo hiểm trùng nhau. Do vậy, bà Bùi Thị Hồng T khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động mà bà Lê Thị Yến K đã ký với danh nghĩa của bà, điều chỉnh quá trình đóng bảo hiểm của bà trên cơ sở thực tiễn mà bà tham gia. Theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Do nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn Lê Thị Yến K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú và Bảo hiểm xã hội tỉnh Q không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Bùi Thị Hồng T và bà Lê Thị Yến K đều thừa nhận việc bà Lê Thị Yến K đã dùng Giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị Hồng T để xác lập và thực hiện hợp đồng lao động với Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q vào tháng 6 năm 2017 và được thực hiện đến tháng 02 năm 2018. Như vậy, hợp đồng lao động đã được xác lập trong trường hợp này là hợp đồng lao động vô hiệu.

[4] Do bà Bùi Thị Hồng T, bà Lê Thị Yến K và Công ty Cổ phần Q không cung cấp được hợp đồng lao động nên Tòa án không thu thập được thông tin cụ thể về số và ngày ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, theo thông tin thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số: 8016083989, thể hiện việc bà Lê Thị Yến K dùng Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Hồng T để làm việc tại Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018. Vì vậy, hợp đồng lao động bị vô hiệu do không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 17 và Điều 50 Bộ luật lao động (năm 2012).

[5] Hành vi dùng chứng minh nhân dân của người khác và hành vi cho người khác dùng giấy chứng minh nhân dân của mình để xác lập giao dịch đều là hành vi trái pháp luật, với lỗi cố ý. Do đó, hợp đồng lao động bị vô hiệu trong trường hợp này không phải do lỗi của Công ty Cổ phần Q. Và vì vậy, việc Bảo hiểm xã hội tỉnh L (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q) cấp sổ bảo hiểm xã hội số: 8016083989 là phù hợp quy định. Tuy nhiên, do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên việc điều chỉnh thông tin về nhân thân trong sổ bảo hiểm theo thực tế quá trình tham gia bảo hiểm như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí bà Bùi Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 17, Điều 50 Bộ luật Lao động (năm 2012); Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động mà bà Lê Thị Yến K đã dùng Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Hồng T xác lập với Nhà máy M - Long An - Công ty Cổ phần Q.

Điều chỉnh nội dung các thông tin về nhân thân của bà Bùi Thị Hồng T ghi trong Sổ bảo hiểm xã hội số sổ 8016083989 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q) từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018 thành thông tin về nhân thân của bà Lê Thị Yến K.

Về án phí: Bà Bùi Thị Hồng T chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị Hồng T đã nộp (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002372 ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo